|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN DÂN TỘC**  Số: /2021/TT-UBDT  **[DỰ THẢO]** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc *Hà Nội, ngày tháng năm 2021* |

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Quy chế bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

*Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Uỷ ban Dân tộc;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.*

*Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tưban hành Quychế bồi dưỡng kiến thức dân tộc.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Giám đốc Học viện Dân tộc, Thủ trưởng các vụ, đơn vị có liên quan thuộc Uỷ ban Dân tộc và Thủ trưởng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được giao nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ;  - Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);  - Các bộ, ban, ngành TƯ;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;  - Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng;  - Như Điều 3 (để thực hiện);  - Công báo;  - Lưu: VT, Vụ PC; Vụ TCCB (10b). | **BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**  **Hầu A Lềnh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN DÂN TỘC** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**QUY CHẾ**

**Bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-UBDT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về tiêu chuẩn các cơ sở bồi dưỡng được tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc (KTDT); chương trình, hình thức bồi dưỡng; phân công tổ chức bồi dưỡng; in, cấp và quản lý chứng chỉ bồi dưỡng; nội dung, hình thức, tổ chức quản lý, trình tự, thủ tục, chế độ thực hiện công tác bồi dưỡng KTDT.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với cáchọc viện, trường đại học, cơ sở bồi dưỡng được giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng bồi dưỡng KTDT *(sau đây gọi chung là cơ sở bồi dưỡng).*

2. Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp theo dõi công tác dân tộc, chuyên trách làm công tác dân tộc; cán bộ, công chức, viên chức công tác tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số; cán bộ cấp cơ sở tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số, gồm 4 nhóm đối tượng quy định tại Quyết định 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Nhóm đối tượng 1

- Trung ương: Thứ trưởng; Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng và tương đương trực tiếp theo dõi công tác dân tộc.

- Địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số: Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh); Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

b) Nhóm đối tượng 2

- Trung ương: Cục trưởng, Vụ trưởng, Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương trực tiếp theo dõi công tác dân tộc.

- Địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số: Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương; Trưởng, Phó ban ngành trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Trưởng, Phó ban ngành trực thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư Đảng bộ trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp huyện); Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy, thành ủy, thị ủy.

c) Nhóm đối tượng 3

- Trung ương: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương các đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trực tiếp theo dõi công tác dân tộc.

- Địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn cấp huyện; Trưởng, Phó ban ngành trực thuộc huyện ủy, thành ủy, thị ủy; Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học nội trú, bán trú.

d) Nhóm đối tượng 4

- Trung ương: Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, theo dõi về công tác dân tộc ở bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

- Địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số: Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã; bí thư chi bộ, trưởng thôn.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Mục tiêu công tác bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

Nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chính sách dân tộc phát triển kinh tế xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

**Điều 4. Nguyên tắc bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

1. Công tác bồi dưỡng KTDT đối với cán bộ, công chức, viên chức do Ủy ban Dân tộc thống nhất quản lý, chỉ đạo thực hiện có sự phân công nhiệm vụ cụ thể với địa phương.

2. Bồi dưỡng KTDT gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của từng địa phương.

3. Đề cao ý thức tự học của học viên.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch hiệu quả và quyền lợi và nghĩa vụ của công chức, viên chức liên quan đến bồi dưỡng KTDT theo quy định của pháp luật.

**Chương II**

**QUẢN LÝ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG**

**Điều 5. Nội dung, hình thức bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

1. Nội dung chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc dành cho 4 nhóm đối tượng, cụ thể:

a) Nhóm đối tượng 1, đối tượng 2: các chuyên đề về kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước.

b) Nhóm đối tượng 3, đối tượng 4: các chuyên đề lý thuyết về KTDT, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; nghiên cứu thực tế, viết thu hoạch cuối khóa.

2. Hình thức bồi dưỡng

a) Nhóm đối tượng 1: thực hiện lồng ghép với nội dung các chương trình: lý luận chính trị; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; học tập, quán triệt Nghị quyết của Đảng; cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu.

b) Nhóm đối tượng 2: Đối với các Bộ, ngành trung ương: thực hiện lồng ghép với nội dung các chương trình: lý luận chính trị; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; học tập, quán triệt Nghị quyết của Đảng; cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu. Tại các địa phương áp dụng hình thức bồi dưỡng tập trung 03 ngày/năm và cung cấp tài liệu để tự nghiên cứu.

c) Nhóm đối tượng 3: thực hiện bồi dưỡng tập trung 05 ngày/năm gồm 6 chuyên đề giảng dạy và 9 chuyên đề tham khảo.

d) Nhóm đối tượng 4: thực hiện bồi dưỡng tập trung 05 ngày/năm gồm 6 chuyên đề giảng dạy và 8 chuyên đề tham khảo.

**Điều 6. Điều kiện và tiêu chuẩn cử công chức tham gia bồi dưỡng**

1. Có vị trí việc làm phù hợp với nội dung, chương trình của khóa bồi dưỡng, với kế hoạch hàng năm của đơn vị.

2. Có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong công tác và ý thức tổ chức kỷ luật cao.

3. Không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật, đình chỉ công tác, đối tượng bị điều tra, kiểm tra hoặc trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang nghỉ chế độ chính sách theo quy định.

4. Có đủ sức khỏe và đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo yêu cầu của từng khóa đào tạo, bồi dưỡng.

5. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi tham gia bồi dưỡng phải được sự đồng ý bằng văn bản của cấp có thẩm quyền trước khi đi tham gia bồi dưỡng.

**Điều 7. Xây dựng, triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức dân tộc hàng năm**

1. Hàng năm, các bộ ngành và địa phương tổng hợp, rà soát, điều chỉnh đối tượng, số lượng,nhu cầu bồi dưỡng của cán bộ, công chức, viên chức của Bộ ngành và địa phương mình và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng dành cho các đối tượng gửi về Ủy ban Dân tộc trước ngày 30/6 hàng năm và báo cáo kết quả về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Tổ chức cán bộ) tổng hợp, theo dõi trước ngày 30/10 hàng năm.

2. Sau khi Kế hoạch bồi dưỡng hàng năm được bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt,giao cho các trung tâm và cơ sở bồi dưỡng xây dựng kế hoạch chi tiết đối với từng nhóm đối tượng và triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo thời gian quy định tại quyết định.

Căn cứ vào kế hoạch bồi dưỡng hàng năm của bộ, ban ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, cấp có thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức dân tộc, đảm bảo phù hợp với nhu cầu của đơn vị mình và theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Hàng năm, các cơ sở được giao nhiệm vụ bồi dưỡng thông báo kế hoạch bồi dưỡng cho năm sau đối với các đối tượng được quy định tại Điều 2 của Quy chế này.

**Điều 8. Yêu cầu về xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng**

1. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc của học viên được biên soạn phù hợp tuỳ theo từng nhóm đối tượng và yêu cầu thực tiễn từng năm và cả giai đoạn. Tài liệu bồi dưỡng được gửi trước cho người tham dự chậm nhất là 10 ngày trước khi bắt đầu khoá bồi dưỡng.

2. Nội dung chương trình, tài liệu phải bảo đảm kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành; không trùng lặp. Tài liệu bồi dưỡng phải được thường xuyên được bổ sung, cập nhật, nâng cao phù hợp với tình hình thực tế.

3. Đơn vị chủ trì được giao xây dựng chương trình bồi dưỡng, tài liệu bồi dưỡng có trách nhiệm cập nhật, bổ sung điểm mới liên quan tới nội dung chương trình, tài liệu bồi dưỡng và được Ủy ban Dân tộc phê duyệt.

**Điều 9. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, giảng viên, báo cáo viên**

1. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng

Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 04 nhóm đối tượng khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đảm bảo số lượng giảng viên cơ hữu và báo cáo cáo viên để giảng các học phần trong chương trình bồi dưỡng (ít nhất 70% giảng viên cơ hữu).

b) Có chương trình tài liệu bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 04 nhóm đối tượng quy định tại Quyết định 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018.

c) Đảm bảo tài liệu bồi dưỡng và tài liệu tham khảo phù hợp.

d) Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

2. Giảng viên, báo cáo viên bồi dưỡng kiến thức dân tộc phải là những người được cơ quan có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện, có phẩm chất đạo đức, năng lực nghề nghiệp; có thâm niên và được tham gia tập huấn giảng dạy KTDT cho giảng viên, báo cáo viên do Ủy ban Dân tộc tổ chức. Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên bao gồm:

a) Giảng viên cơ hữu của các cơ sở bồi dưỡng

b) Giảng viên thỉnh giảng.

c) Báo cáo viên pháp luật

**Điều 10. Việc in, cấp và quản lý chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

1. Việc in, cấp và quản lý chứng chỉ bồi dưỡng KTDT thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Cơ sở bồi dưỡng thực hiện công bố công khai, cập nhật dữ liệu về chứng chỉ bồi dưỡng KTDT trên trang thông tin điện tử của cơ sở bồi dưỡng. Nội dung thông tin công khai gồm các nội dung ghi trên chứng chỉ và phải đảm bảo chính xác với sổ cấp chứng chỉ; phải được cập nhật và lưu trữ thường xuyên trên trang thông tin điện tử của cơ sở bồi dưỡng bảo đảm dễ quản lý, truy cập và tìm kiếm.

**Điều 11. Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

1. Người học được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc khi:

a) Hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo Quy chế này;

b) Không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Thủ trưởng cơ sở bồi dưỡng cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho các học viên đạt các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Mẫu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

**Điều 12. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng**

1. Cơ sở bồi dưỡng của các địa phương đánh giá chất lượng bồi dưỡng KTDT theo các nội dung quy định tại Điều 30 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 10/2017/TT-BNV ngày 29/12/2017 của Bộ Nội vụ quy định về đánh giá chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Hàng năm, các cơ sở bồi dưỡng báo cáo Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Tổ chức cán bộ) kết quả đánh giá chất lượng bồi dưỡng KTDT đối với cán bộ, công chức, viên chức trước ngày 30/10 hàng năm.

**Chương III**

**KINH PHÍ, QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI BỒI DƯỠNG**

**Điều 13. Kinh phí bồi dưỡngkiến thức dân tộc, tiếng dân tộc**

Kinh phí bồi dưỡng kiến thức dân tộc dành cho cán bộ, công chức, viên chức do ngân sách nhà nước cấp nằm trong nguồn kinh phí Đề án 771/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, do Bộ ngành và địa phương bố trí thực hiện theo Luật ngân sách nhà nước và theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 14. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng**

1. Được cơ quan quản lý, sử dụng tạo điều kiện bố trí thời gian và kinh phí hỗ trợ theo quy định;

2.Thời gian tham gia bồi dưỡng KTDT được tính vào thời gian công tác liên tục;

3.Trong thời gian được cử tham gia bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật;

4. Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong quá trình bồi dưỡng.

5. Công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

**Điều 15. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng**

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về bồi dưỡng đối với công chức, viên chức và chịu sự quản lý của cơ sở bồi dưỡng trong thời gian tham gia khoá học.

2. Thực hiện chế độ báo cáo kết quả với cơ quan quản lýsau khi tham gia các khóa bồi dưỡng KTDT theo quy định.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng nhưng không được cấp chứng chỉ theo quy định sau khi kết thúc khóa học mà không có lý do chính đáng thì được xác định là không hoàn thành khóa học và không hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn trong năm đó.

4. Cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến vào chương trình bồi dưỡng, phương pháp giảng dạy của giảng viên, báo cáo viên và các vấn đề khác liên quan đến khóa bồi dưỡng.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc**

**1. Vụ Tổ chức cán bộ**

a) Chủ trì, phối hợp với các vụ, đơn vị thuộc Uỷ ban Dân tộc và các cơ quan liên quan thẩm định, phê duyệt kế hoạch chi tiết và tài liệu bồi dưỡng KTDT đối với công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc cả giai đoạn và hằng năm; phối hợp hướng dẫn các địa phương trong việc xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng KTDT hằng năm và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng theo quy định;

b) Ban hành các văn bản quản lý, hướng dẫn về công tác bồi dưỡng KTDT trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc.

c) Thẩm định việc biên soạn tài liệu, tổ chức bồi dưỡng KTDT theo yêu cầu của Đề án.

d) Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết công tác bồi dưỡng KTDT đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành.

đ) Theo dõi, tổng hợp báo cáo (định kỳ hoặc đột xuất) kết quả công tác bồi dưỡng KTDT đối với công chức, viên chức của các Bộ, ngành và địa phương theo quy định báo cáo Ủy ban Dân tộc để quản lý.

e) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, cơ sở bồi dưỡng để giải quyết các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền.

f) Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động bồi dưỡng KTDT đối với cán bộ, công chức, viên chức theo 4 nhóm đối tượng và việc sử dụng kinh phí theo thẩm quyền quy định tại Quy chế này.

**2. Học viện Dân tộc**

a) Tổng hợp danh sách các cơ sở bồi dưỡng thuộc các bộ, ngành và địa phương đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này, trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Tổ chức cán bộ) xem xét, quyết định giao nhiệm vụ tổ chức bồi dưỡng KTDT và quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ biên soạn phần nội dung về kiến thức dân tộc cho nhóm đối tượng 1, nhóm đối tượng 2, bảo đảm lồng ghép với các chương trình: lý luận chính trị; bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước.

c) Chủ trì biên soạn tài liệu cho nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4; tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập.

d) Chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ, Trường chính trị các tỉnh, các cơ sở giáo dục tổ chức bồi dưỡng KTDT đối với nhóm đối tượng 2 ở địa phương và nhóm đối tượng 3, nhóm đối tượng 4.

c) Chủ trì tổ chức thực hiện các hoạt động bồi dưỡng KTDT cho đội ngũ giảng viên, báo viên bồi dưỡng KTDT nhóm đối tượng 3 và đối tượng 4.

**Điều 17. Trách nhiệm của các đơn vị và cơ sở bồi dưỡng**

1. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng KTDT dành cho 4 nhóm đối tượng theo Quyết định 771/QĐ-TTg gửi xin ý kiến Bộ, ngành hoặc Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt gửi Ủy ban Dân tộc; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Tổ chức cán bộ trước 30/10 hằng năm).

2. Tổ chức tuyển sinh các khoá bồi dưỡng KTDT theo kế hoạch đã được phê duyệt; đánh giá kết quả học tập của học viên, thông báo cho đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức cử đi học theo quy định.

3. Phối hợp với Ủy ban Dân tộc trong việc xây dựng, biên soạn chương trình, tài liệu;

4. Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định cụ thể về tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên; Quản lý quá trình học tập của học viên, đánh giá kết quả học tập, công nhận kết quả học tập của học viên.

5. Báo cáo Uỷ ban Dân tộc (qua Vụ Tổ chức cán bộ) sơ kết, tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng theo định kỳ (6 tháng và 01 năm), theo giai đoạn và đột xuất và khi Ủy ban Dân tộc yêu cầu.

6. Quản lý kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được giao hàng năm, sử dụng kinh phí và báo cáo quyết toán theo đúng chế độ hiện hành.

7. Cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo quy định hiện hành.

8. Cơ sở bồi dưỡng đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 10 của Quy chế và đăng ký thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức lập hồ sơ đăng ký gửi Uỷ ban Dân tộc. Việc giao nhiệm vụ cho cơ sở bồi dưỡng do Bộ trưởng quyết định. Hồ sơ gồm: Tờ trình đăng ký nhận nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức dân tộc; Đề án bồi dưỡng kiến thức dân tộc. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận hồ sơ, Ủy ban Dân tộc tổ chức thẩm định hồ sơ đăng ký bồi dưỡng KTDT.

Trường hợp cơ sở bồi dưỡng đáp ứng đủ các điều kiện, Ủy ban Dân tộc sẽ ra quyết định giao nhiệm vụ bồi dưỡng KTDT. Trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng chưa đáp ứng các điều kiện quy định, Ủy ban Dân tộc sẽ thông báo kết quả thẩm định và nêu rõ lý do bằng văn bản.

**Điều 18. Chế độ thông tin báo cáo**

Các Bộ, ngành và địa phương gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm kết quả tình hình thực hiện kế hoạch bồi dưỡng KTDT đối với cán bộ, công chức, viên chức về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Tổ chức cán bộ); Thời gian gửi báo cáo trước ngày 30/6 và 30/10 hàng năm về Ủy ban Dân tộc để tổng hợp.

**Điều 19. Trách nhiệm thi hành**

1. Ủy ban Dân tộc (Vụ Tổ chức cán bộ) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng KTDT theo Quy chế này. Chịu trách nhiệm kiểm tra, sơ kết, rút kinh nghiệm và kịp thời sửa đổi, bổ sung những quy định chưa phù hợp để hoàn thiện Quy chế.

2. Học viện Dân tộc có trách nhiệm phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ theo dõi, đôn đốc các địa phương trong việc thực hiện Quy chế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các địa phương, cơ sở triển khai công tác bồi dưỡng KTDT, công chức, viên chức phản ánh về Ủy ban Dân tộc (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để xem xét, nghiên cứu báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban giải quyết theo thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**  **Hầu A Lềnh** |